

PHỤ LỤC 07

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Đơn giá (đồng)
I	Thời điểm định giá ngày 15/11/2019		
1	Cây Bàng Đài Loan cao $\geq 4\text{m}$, Đk gốc $\geq 15\text{cm}$, kích thước bầu $0.4 \times 0.4 \times 0.4\text{m}$	cây	
2	Cây Sanh trực cao $\geq 1.8\text{m}$, Đk gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
3	Cây Sanh 5 tầng cao $\geq 1.8\text{m}$, Đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
4	Cây Sanh 9 tầng trồng chậu, cao $\geq 3\text{m}$, Đk gốc $\geq 17\text{cm}$, chậu 1.6m	cây	
5	Cây Mai Vạn Phúc, Đk tán $\geq 60\text{cm}$	cây	
6	Cây Sanh 5 tầng, trồng chậu cao $\geq 1.8\text{m}$, Đk gốc $\geq 8\text{cm}$, chậu 1.2m	cây	
7	Cây Sanh trực, trồng chậu, cao $\geq 1.8\text{m}$, Đk gốc $\geq 10\text{cm}$, chậu 1.2m	cây	
8	Cỏ lá gừng thái	m ²	
9	Cây Dầu Rái đường kính gốc $\geq 15\text{cm}$, H $\geq 5\text{m}$	cây	
10	Cây Sao đen đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$, H $\geq 4.5\text{m}$	cây	
11	Cây Me Chua đường kính gốc $\geq 15\text{cm}$, H $\geq 4\text{m}$	cây	
12	Cây Huỳnh Anh (mật độ 1600 giò/100m ²)	giò	
13	Cây Kèn Hồng đường kính gốc $\geq 15\text{cm}$, H $\geq 4\text{m}$	cây	
14	Cây Phượng vĩ đường kính gốc $\geq 17\text{cm}$, H $\geq 4\text{m}$	cây	
15	Cây Đông Hải kem (mật độ 1600 giò/100m ²)	giò	
16	Cây Kè bạc đường kính gốc $\geq 20\text{cm}$, H $\geq 2\text{m}$	cây	
17	Cây Tường Vi (mật độ 1600 giò/100m ²)	giò	
18	Cây Ấc Ó (mật độ 1600 giò/100m ²)	giò	
19	Cây Búp Thái (mật độ 1600 giò/100m ²)	giò	
20	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.6m	chậu	
21	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	chậu	
22	Cây chống gỗ dài bình quân 2.5m	cây	
23	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	

TỔNG CỘNG: 23 mục./.